TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHI LĂNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/HS-ST
Ngày 14-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Thế Khuynh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Nhân;

Bà Ngô Thị Thu Huyền.

-Thư ký phiên tòa: Bà Ngọc Bích Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Nông Ngọc Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2023/TLHS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/HSST-QĐ ngày 06/9/2023, đối với bị cáo:

Hà Văn T, sinh ngày 22 tháng 11 năm 1980, tại huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn H, xã G, huyện L, tỉnh B; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; con ông: Hà Đức T; con bà Đặng Thị B; vợ: Nguyễn Thị Q; con: Có 03 con (con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2015); tiền sự: Không có; tiền án: Không; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/4/2023 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn T:

1. Ông Lê Văn T4 - Luật sư, thuộc Công ty Luật Hợp Danh Giải Pháp, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 3, ngách 11, ngõ 178, phố Tây Sơn, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Ông Bùi Văn Tr3- Luật sư, thuộc Công ty Luật Hợp Danh Giải Pháp, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 3, ngách 11, ngõ 178, phố Tây Sơn, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Nguyễn Đức T (sinh năm 1985; trú tại thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang); vắng mặt.

2. Anh Hà Hải S (sinh năm 1984; trú tại tổ dân phố L, thị trấn C, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang) ; có mặt.

3. Ông Hà Văn Đ (sinh năm 1962; trú tại tổ dân phố L, thị trấn C, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

4. Ủy ban nhân dân xã H, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã H: Ông Hoàng Văn Ché, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn Làng Thượng, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn (theo giấy ủy quyền ngày 23/6/2023); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 30 phút, ngày 21/02/2023, Công an xã H, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn phát hiện xe ô tô tải biển kiểm soát 28C - 027.xx do Nguyễn Đức T điều khiển đang đỗ để bốc gỗ lên xe tại đồi K thuộc địa phận thôn S, xã H, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, tiến hành kiểm tra phát hiện trên xe ô tô của Nguyễn Đức T có 1,516 m^3 là gỗ tự nhiên và khu rừng xung quanh xe ô tô đỗ còn có nhiều cây gỗ tự nhiên đã bị chặt hạ, cắt khúc, tập kết rải rác tại nhiều vị trí khác nhau, Công an xã H đã tiến hành lập biên bản theo quy định.

Tại biên bản kiểm tra hiện trường, kiểm đếm và xác định chủng loại lâm sản ngày 22/02/2023 do Công an xã H, huyện Chi Lăng lập, xác định: Tổng khối lượng gỗ đã bị khai thác (cắt hạ) là 22,934 m^3 (hai mươi hai phẩy chín trăm ba mươi tư mét khối).

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định tại sườn đồi K thuộc thôn S, xã H, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, sườn đồi có độ dốc khoảng 35^0, giữa hiện trường và phía trên cùng của hiện trường có tuyến đường đất tự mở đi qua. Tại hiện trường có nhiều cây tự nhiên đã bị cắt hạ, cắt thành nhiều khúc để rải rác ở nhiều vị trí khác nhau thuộc diện tích các thửa đất gồm: Thửa đất số 462, tờ bản đồ số 04 bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp xã H do Ủy ban nhân dân xã H quản lý;

thửa đất số 822 tờ bản đồ số 04 được tách ra từ thửa đất số 462 đã được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hà Hải S và thửa đất số 650, mục đích sử dụng là đất trồng lúa do Ủy ban nhân dân xã H quản lý.

Tại biên bản kiểm đếm lâm sản ngày 24/02/2023 do Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn lập, xác định: Khối lượng gỗ đã bị cắt rời thành khúc (để rải rác ở trên tuyến đường đất tự mở và ở phía trên tuyến đường đất tự mở) là 22,934 m^3 (hai mươi hai phẩy chín trăm ba mươi tư mét khối).

Tại văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định tư pháp ngày 24/02/2023 do ông Triệu Lương H - người giám định theo vụ việc trong lĩnh vực lâm nghiệp lập xác định:

- Tổng diện tích có cây gỗ bị chặt hạ là 34.460,6 m^2 (ba mươi tư nghìn bốn trăm sáu mươi phẩy sáu mét vuông). Trong đó:

+ Phần diện tích thứ nhất: Phía trên tuyến đường đất tự mở qua giữa hiện trường là 3.400,3 m^2;

+ Phần diện tích thứ hai: Phía trên tuyến đường đất tự mở qua giữa hiện trường là 19.631 m^2;

(Phần diện tích thứ nhất và phần diện tích thứ hai ở hai vị trí tách biệt).

+ Phần diện tích thứ ba: Phía dưới tuyến đường đất tự mở qua giữa hiện trường là 11.429,3 m^2 (trong đó có phần diện tích 777,4m^2 thuộc thửa đất số 650, mục đích sử dụng là LUA (lúa); còn phần diện tích thuộc thửa đất số 462 là 10.651,9 m^2).

- Tổng khối lượng gỗ bị chặt hạ là 51,853 m^3 (năm mươi mốt phẩy tám trăm năm mươi ba mét khối). Trong đó:

+ Khối lượng gỗ được kiểm đếm trên phương tiện xeô tô tải biển kiểm soát 28C - 027.xx (theo biên bản do Công an xã H, huyện Chi Lăng lập ngày 22/02/2023 cung cấp) là 1,516 m^3;

+ Khối lượng gỗ đã được cắt thành khúc để rải rác ở trên tuyến đường đất tự mở và ở phía trên tuyến đường đất tự mở (theo biên bản kiểm tra hiện trường, kiểm đếm và xác định chủng loại lâm sản của Công an huyện Chi Lăng) là 22,934 m^3;

+ Khối lượng gỗ (còn lại) được đo, tính trực tiếp tại hiện trường tất các cây bị chặt hạ chưa cắt thành khúc và đã cắt thành khúc là 27,403 m^3, trong đó: Khối lượng cây gỗ đã chặt ngả chưa cắt thành khúc (ở phía trên đường) là 3,841 m^3; khối lượng cây gỗ chặt ngả (ở phía dưới đường) đã cắt thành khúc là 17,443 m^3, chưa cắt thành khúc là 6,119 m^3.

Tại bản Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp số: 03-2023/KL/GĐCN ngày 15/3/2023 của người giám định theo vụ việc trong lĩnh vực lâm nghiệp kết luận:

- Tổng diện tích có cây gỗ bị khai thác là 34.460,6 m^2 (ba mươi tư nghìn bốn trăm sáu mươi phẩy sáu mét vuông). Trong đó:

+ Phần diện tích thuộc thửa đất số 462, tờ bản đồ số 04, bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp xã H năm 2012; thuộc lô 13, khoảnh 7, tiểu khu 382, Bản đồ hiện trạng rừng xã H, huyện Chi Lăng năm 2021 là 33.683,2 m^2, thuộc trạng thái rừng chưa có trữ lượng (ký hiệu TXP): Đối chiếu với bản đồ điều chỉnh quy hoạch lại 3 loại rừng xã H, huyện Chi Lăng theo Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn thì diện tích trên tại khoảnh 7, tiểu khu 382, thuộc quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên (ký hiệu TXP).

+ Phần diện tích 777,4 m^2 thuộc thửa đất số 650, tờ bản đồ số 04, bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp xã H có diện tích 777,4 m^2: Là đất trồng lúa (ký hiệu LUA).

- Tổng khối lượng gỗ bị khai thác là 51,853 m^3 (năm mươi mốt phẩy tám trăm năm mươi ba mét khối), tương đương với 15 m^3/ha. Cụ thể:

+ Khối lượng gỗ được kiểm đếm trên xe ô tô biển kiểm soát 28C - 027.xx là 1,516 m^3 gồm các loài cây thuộc nhóm gỗ thông thường;

+ Khối lượng gỗ đãđược cắt thành khúc để rải rác trên tuyến đường đất tự mở và phía trên tuyến đường tự mở là 22,934 m^3. Loài cây gồm Dẻ, Trẩu, Sau Sau và các loài cây thuộc nhóm gỗ thông thường;

+ Khối lượng gỗ được đo, tính trực tiếp tại hiện trường gồm toàn bộ các cây bị chặt hạ chưa cắt thành khúc và đã cắt thành khúc là 27,403 m^3. Loài cây gồm Dẻ, Kháo và các loài cây thuộc nhóm gỗ thông thường

Căn cứ theo Phụ lục I, phân chia trạng thái rừng (ban hành kèm theo Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng) thì trạng thái trên là rừng đã có trữ lượng (M>10: Trữ lượng rừng lớn hơn 10 m^3/(ha).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 10/KL-HĐĐGTS ngày 28/3/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận:

- Khối lượng 22,934 m^3 gỗ gồm các loài Dẻ, Trẩu, Sau Sau và các loài cây thuộc nhóm gỗ thông thường đã cắt thành khúc có giá trị tại thời điểm định giá là 19.493.900đ (mười chín triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn chín trăm đồng);

- Khối lượng 1,516 m^3 gỗ tự nhiên thông thường đã cắt thành khúc có giá trị tại thời điểm định giá là 1.288.600đ (một triệu hai trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm đồng);

- Khối lượng 3,841 m^3 gỗ gồm các loài Dẻ, Kháo và các loài cây thuộc nhóm gỗ thông thường chưa cắt thành khúc có giá trị tại thời điểm định giá là 3.264.850đ (ba triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn tám trăm năm mươi đồng);

- Khối lượng 17,443 m^3 gỗ gồm các loài Dẻ, Trẩu, Sau Sau và các loài cây thuộc nhóm gỗ thông thường đã cắt thành khúc có giá trị tại thời điểm định giá là 14.826.550đ (mười bốn triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi đồng);

- Khối lượng 6,119 m^3 gồm các loài Dẻ, Kháo và các loài cây thuộc nhóm gỗ thông thường chưa cắt thành khúc có giá trị tại thời điểm định giá là 5.201.150đ (năm triệu hai trăm linh một nghìn một trăm năm mươi đồng);

Tổng giá trị của tài sản (làm tròn số) là 44.075.000đ (bốn mươi bốn triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kết quả điều tra xác định:

Năm 2018, ông Nông Văn L (sinh năm 1984; trú tại thôn S, xã H, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn) bán cho ông Nguyễn Văn N (sinh năm 1979; trú tại thôn C, xã M, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn) 01 (một) khu đất rừng sản xuất thuộc một phần diện tích thửa đất số 462, tờ bản đồ số 04, bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp xã H do Ủy ban nhân dân xã H quản lý tại địa danh đồi K thuộc thôn S, xã H, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn (khi đó ông L chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Gia đình ông L đã sử dụng khu đất rừng trên từ trước năm 1984). Sau khi bán cho ông N, đến ngày 25/01/2022 ông L mới được Ủy ban nhân dân huyện Chi Lăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu đất rừng nêu trên và được tách ra thành các thửa đất số 817 có diện tích 131.844,8 m^2 và thửa đất số 822 có diện tích là 53.028,2 m^2, mục đích sử dụng đều là đất rừng sản xuất. Sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Nông Văn L đã giao 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông N để quản lý.

Đến tháng 02/2022 Nguyễn Văn N đã bán lại thửa đất số 817 và 822 cho ông Hà Hải S, ngày 23/02/2022, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Chi Lăng đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ hộ ông Nông Văn L cho ông Hà Hải S. Hiện trạng đất rừng khi ông N chuyển nhượng cho ông S bao gồm một phần diện tích đãđược trồng cây bạch đàn, một phần diện tích là rừng tự nhiên và 01 căn nhà lán tạm. Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông S đã giao cho ông Hà Văn Đ (là bố đẻ của ông S) trông coi, quản lý và thuê công nhân chăm sóc vườn

cây bạch đàn, trong đó có Nông Văn Đ được giao nhiệm vụ vừa trông lán, vừa trông vườn cây bạch đàn và rừng khi ông Đ vắng mặt.

Quá trình được ông S giao quản lý, sử dụng đất, để tạo điều kiện thuận lợi trong việc đi lại và vận chuyển phân bón, ông Đ đã thuê người cải tạo hai tuyến đường sẵn có từ trước, trong đó gồm có một tuyến đi qua giữa khu rừng và một tuyến đường đi qua phía trên cùng của khu rừng đều thuộc diện tích của các thửa đất số 822 và 462, do đó diện tích khu rừng đãđược hình thành hai phần gồm: Phần diện tích rừng phía trên tuyến đường đi qua giữa rừng và phần diện tích phía dưới tuyến đường đi qua giữa rừng.

Khoảng cuối tháng 12/2022, sau khi ông Đ rời khỏi lán tạm trên đồi Kvề nhà ở tổ dân phố L, thị trấn C, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang để làm vườn và nghỉ Tết Nguyên đán, đến ngày 05/02/2023 thì ông Đ nhận được điện thoại của Hà Văn T (T là cháu ruột của ông Đ) hỏi mượn máy phát cỏ, do máy phát cỏ của ông Đ để ở lán trên đồi K nên ông Đ bảo T tự đến đồi Kđể lấy. Sau khi T đến đồi K lấy máy phát cỏ, thấy khu vực xung quanh lán tạm của ông Đ có nhiều cây rừng tự nhiên, khu vực ở dưới tuyến đường qua giữa rừng đã bị chặt hạ, T đã chủ động gọi điện thoại cho ông Đ đặt vấn đề để cho T đến đồi Kcắt gỗ rừng tự nhiên đem bán, ông Đ bảo Thái *"Cứ từ từ, để khi nào chú về xin giấy phép đã rồi đến làm"*. Mặc dù chưa được sự đồng ý của ông Đ nhưng từ ngày 07/02/2023, T đã tự ý đi đến khu rừng tự nhiên tại đồi Kdùng máy cưa cắt, hạ các loại cây mọc tự nhiên ở khu vực phía trên tuyến đường đi qua giữa khu rừng, thuộc diện tích thửa đất số 822 do ông Đ quản lý và thửa đất số 462 do Ủy ban nhân dân xã H quản lý. Đến ngày 21/02/2023 Hà Văn T thuê xe ô tô biển kiểm soát 28C - 027.xx của Nguyễn Đức T đến đồi Kvà thuê 07 (bảy) công nhân (do ông Đ thuê đến từ ngày 13/02/2022 để chăm sóc rừng bạch đàn) đang ở tại lán tạm của ông Đ gồm: Dương Văn S; Dương Văn S1; Dương Văn Q, Hoàng Văn S2, Hoàng Văn B, Dương Văn N1 và Dương Văn Th1, bốc xếp gỗ lên xe ô tô vận chuyển đi địa bàn xã P, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang để tìm nơi bán thì bị Công an xã H, huyện Chi Lăng phát hiện, bắt giữ (theo biên bản kiểm đếm và văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định xác định khối lượng gỗ Hà Văn T đã khai thác là 28,291 m^3 bao gồm: Khối lượng gỗ đã cắt thành khúc trên mặt đường đất tự mở và phía trên truyến đường đất tự mở là 22,934 m^3; khối lượng gỗ bị chặt hạ chưa cắt thành khúc ở phía trên tuyến đường đất tự mở là 3,841 m^3; khối lượng gỗ trên xe ô tô biển kiểm soát 28C - 027.xx là 1,516 m^3).

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- 01 (một) xe ô tô tải biển kiểm soát 28C - 027.xx, Nn hiệu TMT màu sơn xanh (tạm giữ của Nguyễn Đức T1);

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 28C - 027.xx mang tên Hoàng Quốc H2;

- 1,516 m^3 (một phẩy năm trăm mười sáu mét khối) gỗ đã cắt thành khúc (thuộc nhóm gỗ thông thường);

- 01 (một) máy cưa xích sử dụng nhiên liệu xăng, Nn hiệu HUSQVARNA màu cam - đỏ - đen (cũ, đã qua sử dụng), do Hà Văn T tự nguyện giao nộp;

- 50,337 m^3 (năm mươi phẩy ba trăm ba mươi bảy mét khối) gỗ đã bị chặt hạ (trong đó có 26,775 m^3 là vật chứng của vụ án), gồm đã cắt thành khúc và chưa cắt thành khúc (thuộc nhóm gỗ thông thường). Đối với khối lượng gỗ này, Cơ quan điều tra đã lập biên bản bàn giao cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Chi Lăng quản lý.

Ngày 07/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Chi Lăng đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe ô tô biển kiểm soát 28C - 027.xx và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Đức T1.

Đối với các vật chứng là 01 (một) máy cưa xích và 1,516 m^3 gỗ nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng đã chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng để xử lý.

Về dân sự: Anh Hà Hải S và Ủy ban nhân dân xã H không yêu cầu Hà Văn T phải bồi thường thiệt hại đối với các loại cây rừng tự nhiên đã bị cắt hạ nêu trên.

Bản Cáo trạng số 50/CT-VKSCL ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng đã truy tố bị cáo Hà Văn T về tội: Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 232 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Hà Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi bị cáo đã thực hiện như bản Cáo trạng đã truy tố. Nguyên nhân bị cáo thực hiện hành vi là do nhận thức pháp luật còn hạn chế, không biết việc tự ý khai thác gỗ là vi phạm, bị cáo muốn khai thác cây gỗ đem bán để lấy tiền tiêu nên dẫn tới phạm tội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm ông Hà Văn Đ và anh Hà Hải S, xác nhận lời trình bày của bị cáo T trước Tòa là đúng, bị cáo đã biết lỗi, các chủ rừng không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện hợp pháp của UBND xã H có ý kiến tại cơ quan điều tra: Đề nghị xử lý Hà Văn T theo quy định của pháp luật, về trách nhiệm dân sự UBND xã H

không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Về vật chứng đã thu giữ đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần xét hỏi Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố đối với bị cáo Hà Văn T, sau khi phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, đánh giá về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Hà Văn T phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 50, 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hà Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, cho hưởng án treo, có ấn định thời gian thử thách, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước:

- 01 (một) máy cưa xích sử dụng nhiên liệu xăng, Nn hiệu HUSQVARNA màu cam - đỏ - đen (cũ, đã qua sử dụng), do Hà Văn T tự nguyện giao nộp;

- 1,516 m^3 (một phẩy năm trăm mười sáu mét khối) gỗ đã cắt thành khúc (thuộc nhóm gỗ thông thường);

- 50,337 m^3 (năm mươi phẩy ba trăm ba mươi bảy mét khối) gỗ đã bị chặt hạ (trong đó có 26,775 m^3 là vật chứng của vụ án), gồm đã cắt thành khúc và chưa cắt thành khúc (thuộc nhóm gỗ thông thường). Đối với khối lượng gỗ này, Cơ quan điều tra đã lập biên bản bàn giao cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Chi Lăng quản lý.

Về trách nhiệm khắc phục hậu quả: Chấp nhận tự nguyện của bị cáo Hà Văn T nộp vào ngân sách Nhà nước 25.000.000 đồng.

Về phần dân sự: Không có yêu cầu nên không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Hà Văn T có ý kiến: Bị cáo đã biết lỗi bị cáo hứa không vi phạm, bị cáo mong được sự khoan hồng của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm: Nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên về trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử cân

nhắc khả năng nhận thức của bị cáo; điều kiện, hoàn cảnh gia đình của bị cáo hiện rất khó khăn, vợ bỏ đi biệt tích, con bị di chứng chất độc da cam, kinh tế khó khăn. Căn cứ vào các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, mức hình phạt nhẹ nhất và cho hưởng án treo để bị cáo có điều kiện cải tạo tại địa phương. Không áp dụng hình phạt bổ sung. Về bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, đề nghị công nhận sự tự nguyện của bị cáo đã nộp 25.000.000 đồng vào ngân sách Nhà nước để chi phí cho việc phục hồi hệ sinh thái rừng đã bị tàn phá.

Những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng bị cáo Hà Văn T xin được giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND xã H, anh Nguyễn Đức T1, vắng mặt, không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Hà Văn T khai nhận hành vi phạm tội như đã khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo phù hợp với Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp số: 03-2023/KL/GĐCN ngày 15/3/2023 của người giám định theo vụ việc trong lĩnh vực lâm nghiệp; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ. Các chứng cứ đó phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, hành vi thực hiện, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định, cụ thể:

[4] Từ ngày 07/02/2023 đến ngày 21/02/2023, Hà Văn T đã dùng cưa máy cắt hạ các cây gỗ tự nhiên tại khu đất rừng thuộc trạng thái *"rừng sản xuất là rừng tự nhiên"*thuộc thửa đất số 822 của ông Hà Hải S và thửa đất số 462 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn quản lý, với mục đích đem bán kiếm lời. Tổng số gỗ Hà Văn T đã khai thác là 28,291 m^3 (hai mươi tám phẩy hai trăm chín mươi mốt mét khối).

[5] Bị cáo Hà Văn T không phải là chủ rừng, chưa được sự đồng ý của chủ rừng, chưa xin phép cơ quan có thẩm quyền, Hà Văn T đã tự ýđến khu rừng tự nhiên tại đồi Kdùng máy cưa cắt, hạ các loại cây mọc tự nhiên, thuộc diện tích thửa đất số 822 do ông Hà Hải S quản lý và thửa đất số 462 do Ủy ban nhân dân xã H quản lý. Bị cáo đã cố ý khai thác cây rừng ở rừng sản xuất là rừng tự nhiên mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, gây hậu quả với khối lượng gỗ bị khai thác là 28,291 m^3 gỗ loài thực vật thông thường, phá hoại hệ sinh thái rừng. Hành vi của Hà Văn T đã vi phạm vào điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Lâm nghiệp năm 2017 và điểm b khoản 1 Điều 28 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Hà Văn T phạm tộiVi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 232 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Bị cáo Hà Văn T là người trưởng thành, có đủ khả năng nhận thức được việc khai thác gỗ tại rừng sản xuất là rừng tự nhiên mà không được sự đồng ý của chủ rừng, không xin phép cơ quan chức năng có thẩm quyền và không được cơ quan chức năng cấp phép cho khai thác gỗ tại khu rừng trên là vi phạm pháp luật (vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Lâm nghiệp). Chỉ vì mục đích tư lợi cá nhân, muốn bán gỗ để có tiền tiêu, bị cáo đã thực hiện hành vi khai thác rừng trái phép. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng là một trong các đối tượng quan trọng được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do vậy cần phải xử lý đối với bị cáo bằng pháp luật hình sự, nhằm giáo dục bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[7] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của Bộ luật Hình sự, có cân nhắc đến tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hà Văn T.

[8] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo Hà Văn T đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý tuy nhiên bị cáo có phần hạn chế về nhận thức. Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên có nhân thân tốt. Về tình tiết tăng nặng: Không có; về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện nộp vào ngân sách Nhà nước 25.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; Gia đình của bị cáo bị ảnh hưởng chất độc màu da cam do bố đẻ của bị cáo tham gia chiến đấu tại

chiến trường, hiện nay con của bị cáo có di chứng đang phải điều trị nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Xét thấy bị cáo đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng do thiếu hiểu biết về pháp luật, bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đã thực sự ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục một phần hậu quả. Bị cáo có nhân thân tốt, có đủ điều kiện cho hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên việc cách ly bị cáo ra ngoài xã hội là không cần thiết mà để cải tạo tại địa phương cũng đủ để các bị cáo tu dưỡng, rèn luyện bản thân, sớm trở thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội, biết tôn trọng và tuân thủ pháp luật. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo không có thu nhập ổn định, không có khả năng thi hành.

[10] Tại phiên tòa: Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử đã xem xét và chấp nhận.

[11] Đối với anh Nguyễn Đức T là người được Hà Văn T thuê để vận chuyển gỗ từ đồi Kđể đem đi bán; các anh Dương Văn S, Dương Văn S1, Dương Văn Q, Hoàng Văn S2, Hoàng Văn B, Dương Văn N1, Dương Văn Th1 là những người được Hà Văn T thuê bốc xếp gỗ lên xe ô tô để đem đi bán, tuy nhiên họ đều không biết việc Hà Văn T khai thác các cây gỗ tự nhiên là trái phép nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[12] Đối với các chủ rừng là người đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất rừng bị xâm hại có quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, các chủ rừng không biết, việc Hà Văn T thực hiện hành vi khai thác rừng trái phép, vì Hà Văn T sử dụng cưa máy cắt trong khoảng thời gian chủ rừng vắng mặt. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm là đúng quy định.

[13] Đối với số cây rừng tự nhiên bị chặt hạ ở phía dưới tuyến đường đất tự mở đi qua giữa hiện trường có khối lượng là 23,562 m^3 (hai mươi ba phẩy năm trăm sáu mươi hai mét khối) thuộc diện tích thửa đất 822 và thửa đất 650, kết quả điều tra xác định toàn bộ số cây trên đã bị cắt hạ trong khoảng thời gian cuối tháng 12/2022 (không phải là vật chứng), hiện chưa xác định được do ai cắt hạ. Do đó, Cơ quan điều tra có trách nhiệm điều tra, xác minh làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định.

[14] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về trách nhiệm khắc phục hậu quả, sửa chữa, phục hồi hệ sinh thái rừng đã bị phá theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự: Chấp nhận tự nguyện của bị cáo Hà Văn T nộp vào ngân sách Nhà nước 25.000.000 đồng, để chi phí cho việc phục hồi hệ sinh thái rừng đã bị tàn phá vì đại diện chủ sở hữu đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Luật Lâm nghiệp là Nhà nước.

[15] Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 47của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước các vật chứng vì là công cụ dùng vào việc phạm tội hoặc do phạm tội mà có, gồm:

- 01 (một) máy cưa xích sử dụng nhiên liệu xăng, Nn hiệu HUSQVARNA màu cam - đỏ - đen (cũ, đã qua sử dụng), do Hà Văn T tự nguyện giao nộp;

- 28,291 m^3 (hai mươi tám phẩy hai trăm chín mươi mốt mét khối), trong đó:

+1,516 m^3 (một phẩy năm trăm mười sáu mét khối) gỗ đã cắt thành khúc (thuộc nhóm gỗ thông thường);

+ 26,775 m^3 gỗ, gồm cả gỗ đã cắt thành khúc và chưa cắt thành khúc (thuộc nhóm gỗ thông thường). ,

[16] Đối với 23,562 m^3 gỗ, gồm cả gỗ đã cắt thành khúc và chưa cắt thành khúc (thuộc nhóm gỗ thông thường), không phải là vật chứng Cơ quan điều tra đã giao cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Chi Lăng quản lý, Ủy ban nhân dân xã H phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

[17] Về án phí: Bị cáo Hà Văn T là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[18] Về quyền kháng cáo: Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 232; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 50; các khoản 1, 2, 5 Điều 65; các điểm a, b khoản 1Điều 47; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; các Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứđiểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hà Văn T phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hà Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 14/9/2023.

Giao bị cáo Hà Văn T cho Ủy ban nhân dân xã H3, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục người bị kết án.

Bị cáo Hà Văn T phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước:

- 01 (một) máy cưa xích sử dụng nhiên liệu xăng, Nn hiệu HUSQVARNA màu cam - đỏ - đen (cũ, đã qua sử dụng);

- 1,516 m^3 gỗ đã cắt thành khúc (thuộc nhóm gỗ thông thường);

(Vật chứng lưu giữ tại kho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Công an huyện Chi Lăng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, ngày 14/8/2023).

- 26,775 m^3 gỗ, gồm cả gỗ đã cắt thành khúc và chưa cắt thành khúc (thuộc nhóm gỗ thông thường). ,

(Vật chứng là gỗ Cơ quan điều tra đã bàn giao cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Chi Lăng quản lý, Biên bản bàn giao ngày 04/7/2023).

4. Trách nhiệm khắc phục hậu quả: Nộp vào ngân sách Nhà nước 25.000.000 đồng Hà Văn T đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0003928 ngày 12/9/2023.

Về án phí: Bị cáo Hà Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- CQCSĐT Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
-CQTHAHS Công an huyện Chi Lăng, Lạng Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã H3, H Lục Ngạn, T Bắc Giang.
- UBND xã H, huyện Chi Lăng.
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hoàng Thế Khuynh